

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG - TỈNH HƯNG YÊN .

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- + Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh
- + Các Hội thẩm nhân dân: bà Vũ Thị Liên và bà Lê Thị Thanh Thuý.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động: bà Vũ Thị Thanh Huyền– Kiểm sát viên.
- Căn cứ vào Điều 212, 213, 235, 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 126/2024/TLST-HNGĐ ngày 25/11/2024.

XÉT THẤY:

Tại phiên toà các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thoả thuận của đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: anh Nguyễn Anh T, sinh năm 2001; Nơi ĐKKHKT: thôn Quang T, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Nơi ở hiện nay: số 55 B, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn: ông Hà Quang C, sinh năm 1995. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: TDP1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

1.2. Bị đơn: chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 2003; ĐKKHKT: thôn Q, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Nơi ở hiện nay: số 55 B, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: cháu Nguyễn Nhật A, sinh ngày 25/10/2023, hiện nay đang ở với chị T.

1.4. Người đại diện theo pháp luật cho cháu A: anh Nguyễn Anh T và chị Nguyễn Thanh T.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Anh T và chị Nguyễn Thanh T đều tự nguyện thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: anh T và chị T đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Nhật A, sinh ngày 25/10/2023. Hiện nay cháu đang ở với chị T. Anh T và chị T tự nguyện thỏa thuận: giao cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu A đến khi thành niên. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T 3.000.000 đồng/tháng đến khi cháu A thành niên, thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 3/2025. Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu, Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án khoản tiền trên mà người phải thi hành án không thi hành thì người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2.3. Về tài sản: anh T, chị T đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: anh T tự nguyện chịu cả 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng. Được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0001656 ngày 25/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động. Anh T còn phải nộp số tiền 300.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA tỉnh;
- VKSND huyện KĐ;
- Các đương sự;
- Chi cục THA huyện;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Oanh